

Bản án số: 313/2024/HS-PT

Ngày: 19 - 7 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Tấn Hoàng**
Ông **Trần Đức Kiên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Vân**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 238/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn Thanh L, Cao Hồng S về tội “*Giết người*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2024/HSST-CTN ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn Thanh L, sinh ngày 25/6/2007 (tính đến thời điểm phạm tội bị cáo được 16 năm 02 tháng 18 ngày tuổi), tại A, tỉnh Gia Lai. Nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Học sinh. Con ông Nguyễn Văn Thanh N - sinh năm: 1980 và con bà Đỗ Thị K - sinh năm: 1984. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 13/9/2023, bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G, có mặt.

2. Cao Hồng S, Sinh ngày 06/10/2007 (tính đến thời điểm phạm tội bị cáo được 15 năm 11 tháng 06 ngày tuổi), tại tỉnh Gia Lai. Nơi thường trú và chỗ ở

trước khi bị bắt: Thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: thợ cắt tóc. Con ông Cao Văn H - Sinh năm: 1975 và con bà Võ Thị Q - Sinh năm: 1979. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 13/9/2023, bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G, có mặt

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn Thanh L: Ông Nguyễn Văn Thanh N, sinh năm: 1980 và bà Đỗ Thị K, sinh năm: 1984, cùng trú tại: thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai, có mặt

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Cao Hồng S: Ông Cao Văn H, sinh năm: 1975 và bà Võ Thị Q - sinh năm: 1979, cùng trú tại: thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai, có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Thanh L: Ông Lê Văn T Luật sư Văn phòng luật sư Hứa Hoàng G thuộc Đoàn luật sư tỉnh G. Địa chỉ: A L, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Cao Hồng S: Ông Đặng Văn T1 Luật sư Công ty L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh G. Địa chỉ: A T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Cao Hồng S: Ông Nguyễn Thành T2 Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 12/9/2023 Nguyễn Văn Thanh L điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 81AE-200.12 đi từ huyện K, tỉnh Gia Lai đến nhà bạn gái là Nguyễn Gia H1 (sinh năm 2007) ở xã X, thị xã A, tỉnh Gia Lai để chở H1 đi ra huyện K. L chở H1 lưu thông trên đường T hướng thị xã A đi K, khi đến đoạn đường thuộc thôn T, xã T, thị xã A gặp Võ Nguyên V (sinh năm 2006) và Phạm Anh V1 (sinh năm 2007), đều trú thôn T, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai) đi trên một xe máy lưu thông cùng chiều. H1 là bạn gái cũ của Nguyên V nên khi thấy L chở H1 thì Nguyên V nói với Anh V chặn đánh L. N1 Vũ chặn đầu xe của L, còn Anh V dùng tay đánh vào đầu L nhưng không bị thương tích. Nguyên V còn đe dọa L “Mày coi chừng tao” rồi Nguyên V và Anh V đi về nhà Anh V ở thôn T, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai ăn nhậu cùng một số người bạn.

L tiếp tục điều khiển xe chở H1 đi đến gần cổng chào của huyện K, L thấy Võ Thanh D (sinh ngày 18/6/2007), Đỗ Trung K1 (sinh năm 2007), cùng trú thôn A, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai), Phạm Vinh Q1 (sinh ngày 12/4/2006, trú thôn C, xã N,

huyện K, tỉnh Gia Lai), Cao Hồng S (sinh ngày 06/10/2007), Trương Vũ L1 (sinh ngày 21/11/2007), Phạm Hoàng K2 (sinh ngày 04/12/2007, cùng trú thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai) là bạn của L đang ngồi uống cà phê ở quán Đ thuộc xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai nên L và H1 vào quán cùng uống cà phê. Tại đây, L đã kể cho D, Q1, S biết việc bị Anh V đánh thì D nói “*Chút nữa chơi lại nó*”. L đi nhặt một cục đá, chờ Nguyễn V và Anh V đi qua sẽ ném đá, nhưng không thấy. Sau đó, L nói D đi về nhà D lấy 02 (hai) con dao (đã mua trên mạng xã hội từ trước) mang đến giấu tại bụi cây ở cạnh quán cà phê.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, uống cà phê xong, D ra bụi cây lấy 02 (hai) con dao giấu vào trong áo khoác. Sau đó, L điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 81AE-200.12 chở H1, Q1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81F9- 4130 chở D, K2 điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 81AF-003.21 chở L1, S điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 81AF- 004.55 đi một mình, K1 điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 81AF- 003.21 đi một mình để cùng nhau đưa H1 về nhà. Trên đường đi, xe của K1 hết xăng, K2 và L1 được gia đình gọi về nên K1, K2 và L1 đi về trước; còn D, S, Q1 và L tiếp tục đưa H1 về nhà.

Sau khi đưa H1 về nhà tại thôn A, xã X, thị xã A, tỉnh Gia Lai, D, L, Q1 và S quay về. Trên đường đi, Q1 điều khiển xe chở D chạy song song với xe của L, S điều khiển xe chạy phía sau, cách khoảng 02m, D lấy 01 (một) con dao đưa cho L. Đồng thời, L rủ D, Q1, S đi tìm Nguyễn V đánh thì tất cả đồng ý. D ngồi sau chỉ đường cho Q1 điều khiển xe chạy trước dẫn đường, tiếp theo là xe của L và xe S cùng đi vào khu vực đường bê tông thuộc thôn T, xã T, thị xã A để tìm Nguyễn V và Anh V. Khi đi ngang qua nhà Anh V thì thấy Anh V, Nguyễn V đang nhậu cùng với Đặng Tấn H2 (sinh năm 2007, trú thôn T, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai), Nguyễn Việt D1 (sinh năm 2007), Thân Thành T3 (sinh năm 2007) và Lê Thị V2 (sinh năm 2007, cùng trú thôn T, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai) ở sân nhà nên cả nhóm điều khiển xe quay lại rồi dừng trước nhà Anh V.

S đứng ngoài đường bê tông, L và D mỗi người cầm 01 (một) con dao, Q1 không cầm gì đi vào trước cổng nhà rồi nói “*Nãy thằng nào đánh em tao*”. Thấy nhóm của L, Anh V1 biết đến tìm để giải quyết mâu thuẫn trước đó nên đi ra gặp. L cầm dao và nói “*Nãy mày đánh tao đúng không*” thì Nguyễn V trả lời “*Có gì từ từ nói, tao sai, có gì cho tao xin lỗi*”. D cầm dao nói “*Sao mày đánh bạn tao*” rồi cùng L và Q1 tiếp tục cãi vã, thách thức đánh nhau. Nguyễn V đang đứng trong sân thấy vậy, bực tức đòi đánh nhau với D. Lúc này, anh Lê Văn T4 (sinh năm 1968) và chị Võ Thị X (sinh năm 1971, đều là hàng xóm) và một số người khác đến can ngăn nhưng hai bên vẫn cãi vã và thách thức đánh nhau. Thấy D và L có mang theo dao, Anh V1 chạy vào nhà lấy hung khí nhưng được bà Chu Thị S1 (mẹ ruột Anh V1) cùng Nguyễn Việt D1 ôm lại. Q1 đi lại giật con dao D đang cầm trên tay (giật cả lưỡi dao và vỏ dao) và giật luôn con dao của L nhưng Q1 chỉ giật được cái lưỡi dao còn vỏ dao Luận vẫn cầm. Lúc này, Nguyễn V đi lại chỗ bàn nhậu cầm hai

vỏ chai bia Quy Nhơn bằng thủy tinh (đã uống hết bia) đánh vào mũ bảo hiểm của D đang đội một cái. Bực tức, D đi lại giật lấy con dao từ tay Q1 rồi cầm dao bằng tay trái đi đến đứng đối diện và đâm 01 (một) nhát trúng vào ngực trái của Nguyên V rồi rút dao ra. Nguyên V quay lưng bỏ chạy vào nhà thì D cầm dao đuổi theo đâm tiếp 01 (một) nhát vào lưng làm Nguyên V ngã gục xuống sân, chết tại chỗ. Sau đó, Q1 điều khiển xe chở D, L và S tự điều khiển xe bỏ chạy.

Sau khi biết Nguyên V chết, D, Q1, L và S đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Đồng thời, D giao nộp 01 (một) con dao dài 49cm, cán bằng kim loại hình trụ tròn, dài 14,5cm, đường kính 2,2cm; lưỡi bằng kim loại màu trắng, dài 34,5cm, rộng 02cm, lưỡi dao sắc, mũi nhọn, trên lưỡi dao có dòng chữ BATON SWORD, trên lưỡi dao có dính chất màu nâu đỏ nghi máu.

Ngày 12/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G ra Quyết định trưng cầu giám định số 279/QĐ-CSHS, trưng cầu Phòng K3 Công an tỉnh G về nguyên nhân chết của Võ Nguyên V.

Tại Kết luận giám định tử thi số 829/KLGD-KTHS ngày 03/10/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh G, kết luận:

“1. Các kết quả chính:

- *Vùng ngực trái, trên đường nách trước trái có vết thương rách da hình khe kích thước khi hở (2,5x1,1)cm, khi khép (2,6x0,3)cm; vết nằm dọc theo thân người, bờ mép sắc gọn, đầu nhọn phía trên, đầu tù phía dưới, sâu thấu ngực; tâm vết cách gót chân trái 125cm về phía trên, cách hõm nách trái 13cm về phía trước, cách mỏm mũi kiếm 18cm về phía trước trái.*

- *Xuyên thủng thùy trên phổi phải kích thước (2,5x0,3)cm và (3x0,7)cm.*

- *Xuyên thủng tâm thất trái kích thước (2,2x0,5)cm qua tâm thất phải kích thước (3x0,1)cm.*

- *Khoang ngực hai bên chứa khoảng 02 (hai) lít máu lỏng, máu đông.*

2. Kết luận:

- *Nguyên nhân chết: Mất máu cấp do thủng tim, phổi.*

- *Vật gây thương tích: Vật sắc nhọn.”*

Ngày 15/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G ra Quyết định trưng cầu giám định số 280/QĐ-CSHS, trưng cầu Phòng K3 Công an tỉnh G về dấu vết máu thu giữ được tại hiện trường và trên con dao do Võ Thanh D giao nộp.

Tại Kết luận giám định số 836/KL-KTHS ngày 25/9/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh G, kết luận:

“1. Trên con dao dài 49cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 34,5cm, mũi nhọn, phần rộng nhất 02cm, trên lưỡi dao có dòng chữ “BATON SWORD”, cán dao bằng

kim loại dài 14,5cm, đường kính 2,2cm (mẫu ký hiệu A1) gửi giám định: có máu người nhóm A.

2. Chất màu nâu nghi máu thấm trên 02 (hai) que tăm bông (loại hai đầu bông) gửi giám định: là máu người, nhóm máu A.

3. Cục bông thấm máu ghi thu máu Võ Nguyên V: Nhóm máu A.”

Đối với con dao 01 (một) con dao và 02 (hai) vỏ dao bằng kim loại, sau khi gây án, các bị cáo Nguyễn Văn Thanh L, Phạm Vinh Q1 và Võ Thanh D ném lại gần khu vực hiện trường; Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh truy tìm nhưng không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bồi thường chi phí ma chay, chôn cất là: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và bồi thường tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật. Các bị cáo đã tác động gia đình để bồi thường khắc phục hậu quả với tổng số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), trong đó:

- Gia đình bị cáo Võ Thanh D đã bồi thường 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng), gồm 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) tiền bồi thường chi phí ma chay, chôn cất; 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) tiền bồi thường tổn thất về tinh thần.

- Gia đình bị cáo Nguyễn Văn Thanh L đã bồi thường 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) chi phí ma chay, chôn cất.

- Gia đình bị cáo Cao Hồng S đã bồi thường 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) chi phí ma chay, chôn cất.

- Gia đình bị cáo Phạm Vinh Q1 đã bồi thường 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), gồm 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền bồi thường chi phí ma chay, chôn cất; 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền bồi thường tổn thất về tinh thần.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2024/HSST-CTN ngày 02/0/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều; 90; 91; khoản 1 Điều 101; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Thanh L,

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 2 Điều 101; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Cao Hồng S;

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586, 591 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Thanh L, Cao Hồng S phạm tội “*Giết người*”;

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T5 Luận 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/9/2023.

- Xử phạt: Bị cáo Cao Hồng S 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/9/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Võ Thanh D, Phạm Vinh Q1, phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/4/2024, bị cáo Nguyễn Văn Thanh L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa mở ngày 27/6/2024

bị cáo L xin rút kháng cáo

Ngày 12/4/2024, bị cáo Cao Hồng S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, ngày 27/6/2024, bị cáo S có đơn xin rút kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo L, S thay đổi không xin rút kháng cáo và xin giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Thanh L, Cao Hồng S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời bào chữa của Luật sư Lê Văn T cho bị cáo Nguyễn Văn Thanh L; Luật sư Đặng Văn T1, trợ giúp viên Nguyễn Thành T2 cho bị cáo Cao Hồng S trình bày: Các bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, thành khẩn khai báo, tại giai đoạn phúc thẩm các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thêm cho gia đình bị hại mỗi bị cáo 10 triệu đồng, đây là tình tiết mới đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, HĐXX đủ cơ sở xác định:

Xuất phát từ việc Nguyễn Văn Thanh L bị Võ Nguyên V và Phạm Anh V1 chặn đánh (không gây thương tích), đến khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 12/9/2023, L khởi xướng, rủ rê Võ Thanh D, Phạm Vinh Q1 và Cao Hồng S mang theo hung khí

đi tìm nhóm của Võ Nguyên V đánh trả thù. Khi đi Q1 điều khiển xe 81F9 - 4130 chở D, L và S mỗi người đi 01 xe, đến nhà Anh V thì S đứng ngoài đường bê tông, L và D mỗi người cầm 01 con dao, Q1 không cầm gì đi vào trước cổng nhà thách thức đánh nhau với nhóm của V. Trong lúc xảy ra xô xát, D cầm 01 (một) con dao dài 49cm, cán bằng kim loại hình trụ tròn, dài 14,5cm, đường kính 2,2cm; lưỡi bằng kim loại màu trắng, dài 34,5cm, rộng 02cm, lưỡi dao sắc, mũi nhọn dùng dao nhọn, bằng tay trái, đâm hai nhát vào người Võ Nguyên V làm V mất máu cấp do thủng tim, phổi tử vong tại chỗ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn Thanh L, Cao Hồng S đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử về tội “*Giết người*” theo điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều; 90; 91; khoản 1, khoản 2 Điều 101; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Xét thấy, các bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm có tính sát thương cao để giải quyết mâu thuẫn đã gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nhằm tước đoạt mạng sống của người khác, để lại mất mát không gì bù đắp được cho gia đình bị hại, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét đến vai trò mức độ tham gia của từng bị cáo để đảm bảo tính công minh của pháp luật. Trong vụ án này các bị cáo không có sự bàn bạc, chuẩn bị, phân công nhiệm vụ từ trước, việc đi đánh nhau mang tính bộc phát nên chỉ là đồng phạm giản đơn.

Trong đó bị cáo Cao Hồng S nhìn thấy D về nhà lấy dao, khi được L rủ đi tìm đánh V thì S đồng ý, không phản đối và đi theo cùng D, L, Q1. Mặc dù, S chỉ đứng ngoài đường, không tham gia đâm V nhưng S đã tiếp nhận ý chí đi đánh V, giúp sức về mặt tinh thần nên phải chịu chung trách nhiệm về hậu quả do hành vi của D gây ra. Các bị cáo Nguyễn Văn Thanh L, thực hiện hành vi phạm tội khi trong độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên được áp dụng Điều 90, 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Cao Hồng S thực hiện hành vi phạm tội khi trong độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi nên được áp dụng Điều 90, 91, khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Bản án sơ thẩm đánh giá đúng tính chất đặc biệt nghiêm trọng của vụ án, mức độ phạm tội, đồng thời xem xét tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Thanh L với mức án 20 năm tù; Cao Hồng S với mức án 05 năm tù là hoàn toàn phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm mặc dù các bị cáo bồi thường thêm cho gia đình bị hại mỗi bị cáo 10 triệu đồng. Tuy nhiên, xét hành vi của các bị cáo quá nguy hiểm, cần phải xử phạt nghiêm minh mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo nên HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Thanh L, Cao Hồng S và giữ nguyên

bản án sơ thẩm.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa cấp sơ thẩm các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại thỏa thuận: cha mẹ của các bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường tiền chi phí mai táng là: 100.000.000đ và tiền tổn thất về tinh thần là 100 tháng lương cơ sở tương đương với số tiền 100 tháng $\times 1.800.000\text{đ} = 180.000.000\text{đ}$, nên ghi nhận sự tự nguyện này. Tổng số tiền cha mẹ của các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường là 280.000.000đ, gia đình các bị cáo đã bồi thường 150.000.000đ nên cha mẹ của các bị cáo còn phải tiếp tục liên đới bồi thường số tiền 130.000.000đ.

Trong đó, bị cáo D, L giữ vai trò cao nhất mỗi bị cáo phải chịu 30% số tiền phải bồi thường; bị cáo S, Q1 chỉ giữ vai trò giúp sức mỗi bị cáo phải chịu 20% số tiền phải bồi thường.

- Ông Võ Thanh T6, bà Nguyễn Thị T7 (cha mẹ bị cáo D) phải bồi thường 30.000.000đ tiền chi phí mai táng, 54.000.000đ tiền tổn thất tinh thần, tổng số tiền phải bồi thường 84.000.000đ. Ông, bà đã bồi thường 65.000.000đ nên còn phải bồi thường 19.000.000đ.

- Ông Nguyễn Văn Thanh N, bà Đỗ Thị K (cha mẹ bị cáo L) phải bồi thường 30.000.000đ tiền chi phí mai táng, 54.000.000đ tiền tổn thất tinh thần, tổng số tiền phải bồi thường 84.000.000đ. Ông, bà đã bồi thường 30.000.000đ nên còn phải bồi thường 54.000.000đ.

- Ông Cao Văn H, bà Võ Thị Q (cha mẹ bị cáo S) phải bồi thường 20.000.000đ tiền chi phí mai táng, 36.000.000đ tiền tổn thất tinh thần, tổng số tiền phải bồi thường 56.000.000đ. Ông, bà đã bồi thường 15.000.000đ nên còn phải bồi thường 41.000.000đ.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà mỗi gia đình các bị cáo nộp tại giai đoạn phúc thẩm gồm: bị cáo Cao Hồng S theo biên lai thu tiền số 0000643 ngày 18/7/2024; bị cáo Nguyễn Văn T5 Luận theo biên lai thu tiền số 0000644 ngày 19/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai sẽ được khấu trừ trong quá trình thi hành án.

[4]. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Văn Thanh L, Cao Hồng S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Thanh L, bị cáo Cao

Hồng S. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 14/2024/HSST-CTN ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều; 90; 91; khoản 1 Điều 101; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Thanh L;

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 2 Điều 101; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Cao Hồng S;

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586, 591 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T5 Luận 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/9/2023.

- Xử phạt: Bị cáo Cao Hồng S 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/9/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc người đại diện hợp pháp của các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 130.000.000đ, cụ thể:

- Buộc ông Võ Thanh T6, bà Nguyễn Thị T7 (cha mẹ bị cáo D) phải bồi thường cho bị hại số tiền: 19.000.000đ

- Buộc ông Nguyễn Văn Thanh N, bà Đỗ Thị K (cha mẹ bị cáo L) phải bồi thường cho bị hại số tiền: 54.000.000đ

- Buộc ông Phạm Văn A, bà Phạm Thị Kim N2 (cha mẹ bị cáo Q1) phải bồi thường cho bị hại số tiền: 16.000.000đ.

- Buộc ông Cao Văn H, bà Võ Thị Q (cha mẹ bị cáo S) phải bồi thường cho bị hại số tiền: 41.000.000đ.

Toàn bộ số tiền bồi thường cho bị hại giao cho ông Võ Đình T8 và bà Trần Thị L2 nhận.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp

pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày tuyên án hôm nay.

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn Thanh L, Cao Hồng S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn